TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17 - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: **57**/2025/DS-ST Ngày: 24-12-2025 V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hoàng Phúc và ông Hồ Văn Sơn.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Bùi Chí Bảo – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 17, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày 24 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 17, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2025/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2025, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2025 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 33/2025/TB-TA ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng, giữa các bên đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Cao Th, sinh năm 1967 và bà Đinh Thị Bảo A, sinh năm 1975;

Cùng nơi cư trú: Số nhà 203, đường Mê Pu – Đa Kai, thôn Đa Kai 5, xã Nt, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Bị đơn:*** Ông Phạm T, sinh năm 1967 và bà Huỳnh Thị Kim c, sinh năm 1986.

Cùng nơi cư trú: Số 153, đường Mê Pu – Đa Kai, thôn Mê Pu 3, xã Nt, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn, bị đơn Phạm T; vắng mặt bị đơn Huỳnh Thị Kim c.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Vợ chồng bà Anh, ông Th và vợ chồng ông T, bà Cúc là chỗ quen biết với nhau. Vào ngày 26/10/2023, vì cần tiền để làm ăn nên vợ chồng ông T, bà Cúc có mượn của bà Anh, ông Th số tiền 200.000.000đồng, có viết giấy vay tiền, không

thỏa thuận thời hạn vay, lãi suất các bên tự thỏa thuận.

Vì cần thu hồi vốn để làm ăn, nên ngày 02/6/2025, bà Anh có nhắn tin cho ông T qua ứng dụng Zalo để yêu cầu trả tiền. Ông T cũng hứa hẹn sẽ trả hết cho bà Anh và ông Th số tiền 200.000.000đồng.

Tuy nhiên, đến nay, ông T vẫn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền cho bà Anh và ông Th theo thỏa thuận.

Quá trình khởi kiện và hòa giải, bà Anh và ông Th yêu cầu bà Cúc và ông T có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay gốc là 200.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Phạm T trình bày:

Ông T có vay của ông Nguyễn Cao Th và bà Đinh Thị Bảo A hai lần tiền, mỗi lần 100.000.000đồng. Tổng cộng là 200.000.000đồng, với mức lãi suất 8000đ/tháng (T triệu) và ông T đã trả lãi đến ngày 28/7/2025. Đến nay, ông T không có khả năng trả lãi nữa, ông T xin trả gốc hàng năm là 50.000.000đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Huỳnh Thị Kim c trình bày: Bà Cúc đồng ý cùng ông Phạm T trả cho hai vợ chồng bà Anh và ông Th số tiền nợ gốc là 200.000.000đồng, theo giấy xác nhận nợ lập ngày 26/10/2023. Bà Cúc không đồng ý trả án phí và bất kỳ lãi suất phát sinh sau này.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn khai nhận vào ngày 26/10/2023 có cho ông T và bà Cúc vay số tiền 200.000.000đồng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ vay, thỏa thuận lãi suất vay là 4%/tháng/200.000.000đồng; sau khi vay tiền thì ông T đã chuyển khoản vào số tài khoản 050135992561 của bà Đinh Thị Bảo A mở tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín để trả tiền lãi theo thỏa thuận với số tiền lãi đã trả là 168.000.000đồng, nhưng ông T và bà Cúc chưa trả tiền nợ vay gốc cho nguyên đơn; nay nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử áp dụng mức lãi suất 20%/năm để tính số tiền lãi suất mà ông T và bà Cúc có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn từ ngày 26/10/2023 cho đến nay, sau đó trừ vào số tiền lãi mà ông T và bà Cúc đã trả là 168.000.000đồng, nếu tiền lãi mà ông T đã trả dư thì nguyên đơn đồng ý trừ vào tiền nợ gốc, ngược lại nếu tiền lãi ông T đã trả vẫn còn thiếu thì ông T và bà Cúc tiếp tục trả cho nguyên đơn; nguyên đơn chỉ yêu cầu cá nhân ông T trả tiền cho nguyên đơn, không yêu cầu bà Cúc có nghĩa vụ liên đới; Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi cho đến khi trả xong số tiền nợ vay gốc trong giai đoạn thi hành án.

Bị đơn Phạm T thừa nhận còn vay mượn của nguyên đơn số tiền 200.000.000đồng; giấy nợ lập ngày 26/10/2023 là do ông T tự viết và ký tên; sau khi vay tiền thì ông T đã sử dụng số tài khoản 4813215022595 của ông T mở tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn để trả lãi cho nguyên đơn, mỗi tháng trả 8.000.000đồng tiền lãi và tổng số tiền lãi đã trả là 21 tháng, tương đương 168.000.000đồng; ông T thống nhất tính toán lại tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm, để khấu trừ vào số tiền lãi mà ông T đã trả cho nguyên đơn; số tiền gốc còn lại bao nhiêu thì ông T đồng ý chịu trách nhiệm trả cho nguyên đơn với tư cách cá nhân của ông T, không yêu cầu bà Cúc phải liên đới.

Bị đơn Huỳnh Thị Kim c có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ vay; bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Mê Pu 3, xã Nt, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội), Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về tố tụng:

[2.1] Bị đơn Huỳnh Thị Kim c đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội), Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Huỳnh Thị Kim c.

[2.2] Ngày 15 tháng 12 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng đã ban hành văn bản không tham gia xét xử vụ án, lý do vụ án thuộc trường hợp quy định tại Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội). Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định.

[2.3] Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện liên quan đến yêu cầu tính lãi và số tiền nợ gốc còn lại; việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là trong phạm vi khởi kiện ban đầu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về chứng cứ: Tại phiên tòa, các đương sự không nộp tài liệu, chứng cứ mới để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình và cũng không đề nghị hoãn hoặc tạm ngừng phiên tòa để tổ chức lại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ mới được thu thập. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp có trong hồ sơ vụ án và Tòa án đã thu thập được theo khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[4] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và do các đương sự cung cấp tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[4.1] Về tính pháp lý của giao dịch dân sự:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án bản gốc của 01 giấy nợ đề ngày 26/10/2023 với tổng số tiền đã vay là 200.000.000đồng; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn thừa nhận có nợ của nguyên đơn số tiền 200.000.000đồng; giấy nợ đề ngày 26/10/2023 là do bị đơn tự viết và ký tên; nguyên đơn và bị đơn thống nhất với nhau về số tiền lãi mà bị đơn đã trả cho

nguyên đơn là 168.000.000đồng. Đây là tình tiết, sự kiện đã được các đương sự thống nhất thừa nhận nên thuộc trường hợp không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Theo nội dung thể hiện trong tài liệu do nguyên đơn cung cấp và được bị đơn thừa nhận thì có cơ sở xác định đây là hợp đồng vay tài sản, lập thành văn bản, không thỏa thuận thời hạn vay, có thỏa thuận về lãi suất vay (thỏa thuận miệng) và các thỏa thuận khác. Nguyên đơn cho rằng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi và gốc theo thỏa thuận và nguyên đơn đã khởi kiện bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 429, Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội).

[4.2] Về xác định nghĩa vụ trả nợ vay:

Tại Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau:

"1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác."

Tại phiên tòa, Nguyên đơn khai nhận vào ngày 26/10/2023 có cho ông T và bà Cúc vay số tiền 200.000.000đồng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ vay, thỏa thuận lãi suất vay là 4%/tháng/200.000.000đồng; sau khi vay tiền thì ông T đã chuyển khoản vào số tài khoản 050135992561 của bà Đinh Thị Bảo A mở tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín để trả tiền lãi theo thỏa thuận với số tiền lãi đã trả là 168.000.000đồng, nhưng ông T và bà Cúc chưa trả tiền nợ vay gốc cho nguyên đơn; nay nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử áp dụng mức lãi suất 20%/năm để tính số tiền lãi suất mà ông T và bà Cúc có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn từ ngày 26/10/2023 cho đến nay, sau đó trừ vào số tiền lãi mà ông T và bà Cúc đã trả là 168.000.000đồng, nếu tiền lãi mà ông T đã trả dư thì nguyên đơn đồng ý trừ vào tiền nợ gốc, ngược lại nếu tiền lãi ông T đã trả vẫn còn thiếu thì ông T và bà Cúc tiếp tục trả cho nguyên đơn; nguyên đơn chỉ yêu cầu cá nhân ông T trả tiền cho nguyên đơn, không yêu cầu bà Cúc có nghĩa vụ liên đới.

Bị đơn Phạm T thừa nhận có vay mượn của nguyên đơn số tiền 200.000.000đồng; giấy nợ lập ngày 26/10/2023 là do ông T tự viết và ký tên; sau khi vay tiền thì ông T đã sử dụng số tài khoản 4813215022595 của ông T mở tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn để trả lãi cho nguyên đơn, mỗi tháng trả 8.000.000đồng tiền lãi và tổng số tiền lãi đã trả là 21 tháng, tương đương 168.000.000đồng; ông T thống nhất tính toán lại tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm, để khấu trừ vào số tiền lãi mà ông T đã trả cho nguyên đơn; số tiền gốc còn lại bao nhiêu thì ông T đồng ý chịu trách nhiệm trả cho nguyên đơn, không yêu cầu bà Cúc phải liên đới.

Trên cơ sở ý kiến của các bên đương sự có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định lại số tiền nợ gốc còn lại mà bị đơn có nghĩa vụ phải trả cho nguyên đơn như sau:

Số tiền lãi mà bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật như sau: Từ ngày 26/10/2023 đến 24/12/2025 là 02 năm 01 tháng 27 ngày x 20%/năm x 200.000.000đồng = 86.292.237đồng.

Số tiền lãi bị đơn đã trả cho nguyên đơn (bằng hình thức chuyển khoản) là 168.000.000đồng.

Số tiền lãi bị đơn đã trả cho nguyên đơn vượt quá mức lãi suất mà pháp luật quy định là 81.707.763đồng sẽ được trừ vào số tiền nợ gốc là 200.000.000đồng.

Như vậy, số tiền nợ gốc còn lại mà bị đơn có nghĩa vụ phải tiếp tục trả cho nguyên đơn là 118.292.237đồng.

Nguyên đơn và bị đơn Phạm T thống nhất thỏa thuận số tiền mà bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là 118.292.237 đồng.

[4.3] Về nghĩa vụ liên đới: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn Phạm T thống nhất thỏa thuận như sau: Cá nhân ông Phạm T có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc còn lại là 118.292.237 cho nguyên đơn, không yêu cầu bà Huỳnh Thị Kim c có nghĩa vụ liên đới.

Thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và có lợi cho bà Huỳnh Thị Kim c, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.4] Về lãi suất: Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu tính lãi; tuy nhiên, quá trình hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi. Đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nguyên đơn yêu cầu bên có nghĩa vụ chịu lãi suất đối với số tiền còn phải thi hành án đến khi thi hành án xong là phù hợp quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí DSST. Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định, tuy nhiên tại phiên tòa bị đơn Phạm T đồng ý tự chịu nghĩa vụ án phí, không yêu cầu bà Cúc cùng chịu trách nhiệm, ý kiến của ông T là hoàn toàn tự nguyện và có lợi cho bà Huỳnh Thị Kim c, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 93; Điều 95; Điều 227, Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 147; Điều 262; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội);

Áp dụng Điều 274, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đinh Thị Bảo A và Nguyễn Cao Th.

Buộc ông Phạm T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Cao Th và bà Đinh Thị Bảo A số tiền nợ vay gốc còn lại theo giấy nợ đề ngày 26/10/2023 là 118.292.237đồng (bằng chữ: một trăm mười T triệu, hai trăm chín mươi hai nghìn, hai trăm ba mươi bảy đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

- Buộc ông Phạm T có nghĩa vụ nộp số tiền 5.914.000 đồng (bằng chữ: năm triệu, chín trăm mười bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Án phí nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng hoặc Phòng Thi hành án dân sự khu vực 17 – Lâm Đồng.

- Trả lại cho ông Nguyễn Cao Th và bà Đinh Thị Bảo A số tiền 6.826.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng theo biên lai thu tiền số: 0003771 ngày 02 tháng 10 năm 2025.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 17-Lâm Đồng;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng THADS KV17-Lâm Đồng;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thuận